

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2025

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam;

2. Ông Hà Bửu Khánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Lộc- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- An Giang tham gia phiên tòa-** Bà Trần Thuý An- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2025/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2025/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Tuấn K**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp K, xã G, tỉnh An Giang).

Chỗ ở hiện nay: Số B đường T, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (Số B đường T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh).

(Anh K có mặt)

Bị đơn: Chị **Phạm Thị Kim C**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp K, xã G, tỉnh An Giang).

(Chị C vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Tuấn K trình bày: Vào năm 2019 anh và chị Phạm Thị Kim C cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/11/2020.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thời gian đến năm 2022 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống, kinh tế không còn tiếng nói chung. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay.

Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị Phạm Thị Kim C nữa nên quyết định ly hôn với chị Phạm Thị Kim C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị Phạm Thị Kim C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có tạo lập được tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Huỳnh Tuấn K yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với chị Phạm Thị Kim C
- *Về con chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị Kim C: Đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị C đều không có mặt.

Tại phiên tòa anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị C. Chị C vắng mặt lần 2 không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Tuấn K.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Huỳnh Tuấn K khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn chị Phạm Thị Kim C có địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp K, xã G, tỉnh An Giang). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang đã triệu tập hợp lệ chị C tham gia phiên tòa nhưng bị đơn chị C vẫn tiếp tục vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do và tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị C là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh K và chị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2020 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2022 anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo anh K nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp. Thực tế vợ chồng anh đã sống trong tình trạng ly thân trong thời gian từ năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị C không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện chị không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh K và chị C đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh K yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K, xử cho anh K được ly hôn chị C là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Anh K xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị C đúng theo quy định pháp luật nhưng chị C vẫn vắng mặt không lý do nên

Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa anh K và chị C được. Mặc khác anh K xác nhận vợ chồng anh có tạo lập được tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về nợ chung: Anh K cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh K phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Tuấn K và chị Phạm Thị Kim C.
2. Về con chung: Anh K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Anh K xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về nợ chung: Anh K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí: Anh K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm

ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0013285 ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- An Giang); anh K không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 5- An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã/TT
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Cẩm Nhung